TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-PT
Ngày: 11-01-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Ngầu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Văn Tâm;

2. Bà Dương Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Phố** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Trong 02 ngày 29 tháng 11 năm 2022 và ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 268/2022/TLST- DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2022/QĐXXPT- DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: số 9D, khu phố 5, phường 3, thành phố N, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Anh Võ Đặng Bảo P, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: số 4/44, khu phố N, phường N, thành phố N, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: số 4/44, khu phố N, phường N, thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N:* Ông Phạm Văn T và ông Nguyễn Thế A - Luật sư của Công ty Luật L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. Ông T có mặt; ông A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày*:**

Chị cho anh Võ Đặng Bảo P vay tiền nhiều lần, mỗi lần cho vay không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu; đến ngày 05-4-2022, hai bên chốt nợ anh P còn nợ của chị tổng cộng số tiền 5.650.000.000 đồng. Mục đích anh P vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời. Vay không có thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, anh P nhận tiền và có viết giấy nhận nợ. Do anh P vay tiền để phục vụ cho công việc kinh doanh của công ty của anh P, nên khi viết giấy nhận nợ chị không yêu cầu chị N ký tên giấy nợ. Đến nay, anh P chỉ trả được 5.000.000 đồng tiền lãi.

Nay chị D khởi kiện yêu cầu anh P và chị Nguyễn Thị Ngọc N(là vợ anh P) có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ gốc 5.650.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0.83%/ tháng từ ngày 05-4-2022 đến khi vụ án được xét xử xong và đồng ý khấu trừ 5.000.000 đồng tiền lãi đã nhận.

***Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn anh Võ Đặng Bảo P trình bày*:**

Anh có vay tiền của chị D nhiều lần, đến ngày 05-4-2022 anh và chị D thống nhất chốt nợ, anh còn nợ tiền vay của chị D tổng cộng là 5.650.000.000 đồng, anh có viết giấy nhận nợ và ký tên giao cho chị D giữ. Khi vay tiền, anh không có thông báo cho chị N biết, nhưng hiện nay khó khăn nên có thông báo nhưng chị N không đồng ý trả cùng anh. Mục đích anh vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh Công ty TNHH P và hệ thống điện năng lượng mặt trời. Anh và chị D thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Việc thỏa thuận lãi và trả lãi anh P không cung cấp được chứng cứ.

Anh đồng ý trả cho chị D 5.650.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0.83%/ tháng từ ngày 05-4-2022 đến khi vụ án được giải quyết xong và khấu trừ 5.000.000 đồng tiền lãi đã trả cho chị D. Anh P yêu cầu chị N có trách nhiệm cùng với anh trả nợ cho chị D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Anh P và chị là vợ chồng hợp pháp, chị không có quen biết chị D, chị không có trực tiếp vay tiền của chị D. Anh P khi vay tiền không có thông báo cho chị biết

khoản vay này. Vợ chồng chị vay vốn kinh doanh từ trước đến nay chỉ vay tiền Ngân hàng, không hề vay nợ bất kỳ cá nhân nào hết. Việc anh P mượn tiền của chị D, chị mới biết sau này nên không đồng ý cùng anh P trả tiền cho chị D. Tuy nhiên, chị đồng ý hỗ trợ anh P trong công việc để anh P tập trung làm ăn trả nợ cho chị D. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trước đây hai vợ chồng cùng quản lý kinh doanh nhưng hiện tại giữa chị và anh P có thỏa thuận giao cho anh P toàn quyền điều hành Công ty TNHH P (thỏa thuận miệng), hiện về mặt pháp lý thì Công ty TNHH P gồm 02 thành viên là chị và anh P (Vốn pháp định của Công ty anh P 80%, chị N 20%).

Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 27 và Điều 36 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn anh Võ Đặng Bảo P và chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Buộc anh Võ Đặng Bảo P và chị Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị D số tiền 5.753.291.500 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm) đồng. Trong đó tiền gốc là 5.650.000.000 đồng và tiền lãi là 103.291.500 đồng.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P và chị N không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho chị D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, … theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, bị đơn Nguyễn Thị Ngọc N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chị N cùng có trách nhiệm với anh P trả nợ cho chị Lê Thị D. Lý do, việc anh P vay tiền của chị D chị không biết; anh P vay tiền không vì mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH P và đồng thời cũng không nhằm mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Lê Thị D giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Ngọc N, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc chị N cùng có trách nhiệm với anh P trả cho chị số

tiền gốc và tiền lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên. Bởi các lý do: chị khởi kiện cá nhân vợ chồng anh P, chị N chứ không phải khởi kiện Công ty TNHH P. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, chị đã nộp các tin nhắn và hình ảnh gửi qua Zalo của chị và anh P thể hiện số tiền vay của chị nhằm mục đích cho hoạt động của Công ty TNHH P; số tiền anh P vay của chị là vay trước khi Ngân hàng MB- Chi nhánh Tây Ninh giải ngân cho Công ty TNHH P. Tại cấp sơ thẩm chị N trình bày không biết khoản tiền vay này, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị N trình bày là sẽ tạo điều kiện để anh P làm trả nợ cho chị. Công trình xây dựng trên khuôn viên của Công ty TNHH P, chị N nói không biết là không đúng.

- Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không buộc chị cùng có trách nhiệm với anh P trả nợ cho chị Lê Thị D. Bởi vì, số tiền anh P vay của chị D là do cá nhân anh P vay, chị hoàn toàn không biết. Số tiền này hoàn toàn không bổ sung vào vốn kinh doanh của Công ty TNHH P, đồng thời cũng không dùng vào việc xây dựng 02 dự án điện năng lượng mặt trời của vợ chồng chị. Nguồn tiền xây dựng, lắp đặt 02 dự án điện năng lượng mặt trời là do vợ chồng chị vay vốn của 02 ngân hàng (Ngân hàng MB – Chi nhánh Tây Ninh và Ngân hàng Sacmbank – Chi nhánh Thủ Đức) tổng cộng khoản gần 11 tỷ đồng. Số tiền này, 02 ngân hàng trên đã giải ngân và đã chuyển khoản cho các đơn vị thi công. Số tiền anh P vay của chị D, anh P sử dụng vào mục đích gì thì chị hoàn toàn không biết.

- Bị đơn P trình bày ý kiến: số tiền gốc anh vay của chị D khoản từ 02 tỷ đến 2,2 tỷ đồng, vay vào năm 2020, vay nhiều lần. Anh đã trả lãi cũng được nhiều nhưng không nhớ bao nhiêu tiền. Đến ngày 05-4-2022 chị D chốt nợ tính cả tiền gốc và tiền lãi là 5.650.000.000 đồng. Số tiền này là do cá nhân anh vay không nhằm đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH P, cũng không nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình anh và chị N; số tiền này chủ yếu anh bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH E mà anh cùng với bạn anh là Nguyễn Lê P cùng thành lập. Sở dĩ tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh khai là nợ chung là vì hiện nay Công ty TNHH E làm ăn không hiệu quả, tạm ngưng hoạt động; nguồn thu nhập chính của anh để trả nợ cho chị D và Ngân hàng từ thu nhập của hoạt động sản suất, kinh doanh của Công ty TNHH P và 02 dự án điện năng lượng mặt trời; Công ty TNHH P là Công ty của vợ chồng anh cùng thành lập, cho nên anh trình bày nợ chung của Công ty TNHH P nhằm mục đích vợ anh cùng có trách nhiệm với anh trả nợ cho chị D.

- Luật sư Phạm Văn T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn N trình bày ý kiến:

+ Việc anh P vay tiền của chị D là vay cho cá nhân anh P, không sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH P, đồng thời cũng không

nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, anh P đã khẳng định số tiền anh vay cũng không nhằm phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH P mà bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH E, không phải là Công ty thuộc sở hữu chung của anh P và chị N.

+ Mặt khác tại Vi bằng về việc phân chia tài sản giữa chị N và anh P lập ngày 25-7-2022 tại Văn phòng Thừa phát lại thành phố N, tỉnh Tây Ninh, anh P xác định nợ chung của vợ chồng không có khoản nợ này.

+ Hơn nữa, căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty TNHH P trong 02 năm 2020 và 2021, thì Công ty TNHH P vẫn hoạt động sinh lời; nguồn vốn bổ sung không có tiền vay của chị Lê Thị D.

+ Còn Dự án 02 hệ thống điện năng lượng mặt trời của Công ty TNHH P lắp đặt thuê đơn vị thi công có tổng giá trị là 11.502.000.000 đồng; nguồn vốn làm 02 dự án điện năng lượng mặt trời này là vay của Ngân hàng MB- Chi nhành Tây Ninh và Sacmbank - Chi nhánh Thủ Đức với tổng số tiền vay 10.640.000.000 đồng, số tiền vay đã chuyển khoản trực tiếp cho các đơn vị thi công.

+ Các tin nhắn giữa anh P và chị D, hình ảnh anh P gửi chị D, chị D cung cấp nộp cho Tòa án không liên quan đến chị N. Chị D cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền anh P vay của chị D nhằm mục đích sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH P.

Căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình, thì số tiền anh P vay của chị D là nợ riêng cá nhân anh P, không liên quan đến trách nhiệm của chị N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của chị N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chị N cùng có trách nhiệm với anh P trả nợ cho chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Ngọc N, sửa bản án sơ thẩm, tuyên không buộc chị N cùng có trách

nhiệm liên đới với anh Võ Đặng Bảo P trả cho chị Lê Thị D số tiền nợ gốc 5.650.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh xét xử và tuyên án ngày 31-8-2022; ngày 13 tháng 9 năm 2022, bị đơn Nguyễn Thị Ngọc N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chị N cùng có trách nhiệm với anh P trả nợ cho chị Lê Thị D. Đơn kháng cáo của chị N hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại bản chính giấy vay tiền ngày 05-4-2022 giữa chị D và anh P thể hiện nội dung: ngày 05-4-2022 (DL) chị D cho anh P vay 5.650.000.000 đồng, không có thế chấp tài sản, không ghi lãi suất và thời hạn trả, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh doanh nghiệp. Giấy nợ do anh P viết và ký tên, không có chữ ký và chữ viết của chị N.

[2.2] Tại cấp sơ thẩm, anh P trình bày có vay tiền của chị D nhiều lần, không nhớ cụ thể mỗi lần vay là bao nhiêu; đến ngày 05-4-2022 (DL) thì anh và chị D chốt nợ tiền gốc và tiền lãi là 5.650.000.000 đồng, nhưng trong giấy vay tiền không ghi tiền lãi. Mục đích vay tiền bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty TNHH P và hệ thống điện năng lượng mặt trời. Khi vay tiền anh P không có báo cho chị N biết, nhưng mục đích anh vay tiền để phục vụ cho công việc kinh doanh công ty của vợ chồng, nguồn vốn sinh lợi phục vụ cho sinh hoạt gia đình. Hiện nay, anh đang khó khăn trong công việc, anh có báo chị N nhưng chị N không đồng ý trả nợ cùng anh. Chị N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị D, cho rằng số tiền anh P vay của chị D, vay khi nào, mục đích vay làm gì thì chị không biết. Tuy nhiên, chị đồng ý hỗ trợ anh P tập trung làm ăn trả nợ cho chị D.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P trình bày toàn bộ số tiền vay của chị D (tiền gốc khoản 2 tỷ đến 2,2 tỷ đồng, số tiền còn lại là tiền lãi); số tiền vay này, anh không bổ sung vào vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH P, mà bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH công nghệ E. Công ty này là do anh và bạn của anh tên Nguyễn Lê P cùng thành lập; anh P là Giám đốc công ty. Công ty này chuyên sản xuất các mặt hàng gạch và

nhận thi công các công trình xây dựng. Việc thành lập Công ty này vợ anh hoàn toàn không biết và anh cũng không có nói cho vợ anh biết.

[2.4] Căn cứ các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH 02 thành viên trở lên do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh đăng ký lần đầu vào ngày 29-6-2020 thể hiện, tên Công ty: Công ty TNHH công nghệ E, có trụ sở chính tại số 588c đường P, khu phố T, phường S, thành phố N, tỉnh Tây Ninh có vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng, gồm 02 thành viên Nguyễn Lê P và Võ Đặng Bảo P, do Nguyễn Lê P làm Giám đốc công ty; tỷ lệ phần vốn của anh P là 80% với số tiền 2.400.000.000 đồng, anh P 20% với số tiền 600.000.000 đồng. Đăng ký thay đổi lần 2 (ngày 14-02-2021) và đăng ký thay đổi lần 3 (ngày 11-3-2021) thì Công ty TNHH công nghệ E có 03 thành viên, gồm: Võ Đặng Bảo P, Nguyễn Lê P và Nguyễn Phước N; tỷ lệ phần vốn của mỗi thành viên (anh P 70% với số tiền 2.100.000.000 đồng, anh P 20% với số tiền 600.000.000 đồng, anh N 10% với số tiền 300.000.000 đồng. Cả 03 giấy đăng ký kinh doanh này hoàn toàn không có tên của chị Nguyễn Thị Ngọc N là thành viên của Công ty TNHH công nghệ E.

[2.5] Căn cứ vào các báo cáo tài chính năm 2020 và 2021 của Công ty TNHH P thể hiện, nguồn vốn bổ sung cho hoạt động của Công ty P có phần vốn vay ngân hàng, hoàn toàn không có số tiền anh P vay của chị D. Hoạt động của Công ty TNHH P trong 02 năm này đều sinh lời, không bị lỗ.

[2.6] Căn cứ vào hợp đồng cung ứng vật tư thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới 255Kwp P SOLAR1, giữa Công ty TNHH P và Công ty TNHH S thì dự án điện năng lượng mặt trời này có giá trị 4.702.000.000 đồng; Hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị và thi công lắp đặt điện năng lượng mặt trời hòa lưới 400 Kwp P SOLAR2, giữa Công ty TNHH P và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại - Dịch vụ - Vận tải G thì dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời này có giá trị 6.810.887.600 đồng. Tổng số tiền đầu tư vào 02 dự án điện năng lượng mặt trời này là 11.502.000.000 đồng.

[2.7] Căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 26-12-2020 của Công ty TNHH P với Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Thủ Đức, số tiền ngân hàng chuyển cho Công ty TNHH P là 4.702.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền đầu tư tài sản cố định là hệ thống điện năng lượng mặt trời; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước vay nợ ngày 04-3-2021, Ngân hàng MB - Chi nhánh Tây Ninh giải ngân cho Công ty TNHH P số tiền 2.590.000.000 đồng, số tiền này Công ty TNHH P đã ủy nhiệm chi chuyển cho Công ty TNHH OMEGA SOLAR2 2.000.000.000 đồng, ủy nhiệm chi vào tài khoản của Công ty TNHH P (số TK 9791111979979) số tiền 590.000.000 đồng. Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05-3-2021 giữa Ngân hàng MB – Chi nhánh Tây Ninh với Công ty TNHH P, số tiền giải ngân

3.350.000.000 đồng, Công ty TNHH P đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ - Vận tải G vào ngày 05-3-2021.

[3] Với những nhận định trên, có đủ căn cứ xác định số tiền 5.650.000.000 đồng anh Võ Đặng Bảo P vay của chị Lê Thị D vào ngày 05-4-2022, do cá nhân anh P vay không nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH P và cũng không bổ sung vào vốn đầu tư lắp đặt 02 dự án điện năng lượng mặt trời P SOLAR1 và P SOLAR2 của chị N và anh P. Đây là nợ riêng cá nhân anh P, không liên quan đến chị Nguyễn Thị Ngọc N.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N cùng có trách nhiệm với anh Võ Đăng Bảo P trả khoản tiền vay nợ gốc 5.650.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay này cho chị Lê Thị D là không có căn cứ.

[5] Từ những phấn tích trên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc N; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Do sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ, nên điều chỉnh trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, nên chị Nguyễn Thị Ngọc N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn anh Võ Đặng Bảo P và chị Nguyễn Thị Ngọc N.

1.1. Buộc anh Võ Đặng Bảo P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị D tổng số tiền gốc và tiền lãi là 5.753.291.500 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm) đồng. Trong đó: số tiền vay gốc là 5.650.000.000 đồng; số tiền lãi là 103.291.500 đồng.

1.2. Chị Nguyễn Thị Ngọc N không có trách nhiệm liên đới cùng anh Võ Đặng Bảo P trả số tổng số tiền vay gốc và tiền lãi 5.753.291.500 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm) đồng nêu trên cho chị Lê Thị D.

1.3. Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho chị D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Anh Võ Đặng Bảo P phải chịu 113.753.300 (một trăm mười ba triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn ba trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Lê Thị D không phải chịu án phí tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 64.250.000 (sáu mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, tại Biên lai thu số 0001083 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Chị Nguyễn Thị Ngọc N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0001313 ngày 13-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh tây Ninh.

3. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Văn Ngầu